Đơn vị dự toán:Bệnh viện Đa khoa tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH
ĐÃ NHẬP TABMIS
Số ..1046...../QLNS
Ngày...01...tháng...12...năm 2021....

Mẫu số C6-03/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính
Số: (2)..... Năm NS: 2021

PHIẾU PHÂN BỔ DỰ TOÁN

Nội dungphân bổ: V/v bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021- Kinh phí thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19 tháng 9 (đợt 7)

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		141.420.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	1710/QĐ-SYT	11/11/2021	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	15 12	141.420.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCTkhông tự chủ)														
	....															
...	...	...														

Hạ long, ngày 18 tháng 11 năm 2021

CQ tài chính ghi sổ ngày ..... tháng .... năm .....

Người lập	Kiểm soát	Thủ trưởng đơn vị (5)	Người nhập	Kiểm soát	Thủ trưởng đơn vị
					KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vinh		GIÁM ĐỐC Trịnh Văn Mạnh			Hà Thị Thanh Lê

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

SỞ TÀI CHÍNH

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hạ long, ngày 18 tháng 11 năm 2021

THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2021

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dungphân bổ: V/v bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19(đợt 7)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Nhiệm vụ A:**	**141.420.000**	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly;	7.760.000	Kinh phí T9/2021
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)	30.940.000	
4	Phụ cấp chống dịch	62.000.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly	1.920.000	
6	Kinh phí cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND tỉnh	38.800.000	
2	**Nhiệm vụ B**		
	.....		
	Tổng số	**141.420.000**	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Một trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kế toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng
(ký tên, đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1710 /QĐ-SYT	*Quảng Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 7)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí thực hiện chi chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 9 năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 7).

Số tiền: **1.746.834.000 đồng.**

(Chi tiết đơn vị theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí dự phòng, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cổng TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Minh Tuấn

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP THÁNG 9 NĂM 2021

ĐVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly			Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			KP cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND Tỉnh			Ban chỉ đạo các cấp			Chi khác
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	
	Tổng cộng:	**1.746.834**	**3**	**24**	**1.920**	**53**	**1.072**	**13.375**	**449**	**4.281**	**1.109.600**	**220**	**1.472**	**227.500**	**65**	**931**	**205.070**	**403**	**1.608**	**160.800**	**1**	**24**	**2.400**	**26.169**
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	334.306	0	0	0	51	1.057	12.775	50	873	232.250	23	136	17.680	33	724	57.920	24	85	8.500				5.181
2	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	583.480	0	0	0	0	0	0	151	1.591	410.750	0	0	36.140	0	0	130.590	5	60	6.000				
3	TT kiểm soát bệnh tật	150.470							25	333	96.300	44	379	49.270				25	49	4.900				
4	Bệnh viện ĐK tỉnh	141.420	3	24	1.920				30	230	62.000	52	238	30.940	12	97	7.760	65	388	38.800				
5	BV ĐKKV Cẩm Phả	136.600				0	0	0	28	312	87.500	36	280	36.400	0	0	0	22	103	10.300	1	24	2.400	0
6	BV ĐK Cẩm Phả	10.500							0	0	0	0	0	0				16	105	10.500				
7	BVĐK Hạ Long	13.860	0	0	-	0	0	0	2	4	1.200	0	0	0	2	2	160	65	125	12.500				
8	TTYT Đầm Hà	78.705							26	317	59.450	0	0	0	0	0	0	26	105	10.500				8.755
9	TTYT Tiên Yên	17.720							12	33	8.900	12	54	7.020	0		0	18	18	1.800				
10	TTYT Ba Chẽ	38.490							28	115	24.550	5	58	7.540		0	0	15	64	6.400				
11	TTYT Bình Liêu	64.450				2	15	600	19	178	50.550	2	30	3.900	2	30	2.400	13	70	7.000				
12	TTYT Vân Đồn	71.973	0	0	-	0	0	0	11	97	22.500	21	120	15.600	16	78	6.240	20	154	15.400				12.233
13	TTYT Cô Tô	6.900							0	0	0	4	30	3.900	0	0	0	13	30	3.000				
14	TTYT Quảng Yên	51.900							41	131	35.700	0	0	0				62	162	16.200				
15	TTYT Hải Hà	46.060							26	67	17.950	21	147	19.110	0	0	0	14	90	9.000				

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 12/12/2021 17:30:26
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS
Số: .DT79/ 211206_1017339_2811001
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi [X] Tạm ứng [ ] | Chuyển khoản [X] Tiền mặt tại KB [ ] Tiền mặt tại NH [ ]

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản: 9527.2.1017339 Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:
Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch, giám sát, phân luồng tháng 09/2021	6114	423	132	12	100.800.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp thường trực tháng 09/2021	6114	423	132	12	30.940.000
Rút dự toán chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động,phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly tháng 09/2021	7799	423	132	12	9.680.000
				Tổng cộng	141.420.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ: P. Bạch đằng - TP Hạ long - QN
Tài khoản: 440280701009 Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN CN Quảng Ninh
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 07 tháng 12 năm 2021

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)
Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 07/12/2021 07:37:27
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)
Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 07/12/2021 10:50:44
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 08 tháng 12 năm 2021

Thủ quỹ **Kế toán** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 08/12/2021 11:07:09
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 08/12/2021 13:38:27
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nguyễn Thị Tuyết Minh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2630 /QĐ-BVT	*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong tháng 9 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viên đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCĐ, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh và phụ cấp cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Covid – 19 trong tháng 9 năm 2021 đối với Cán bộ Y tế – người lao động

* Cụ thể như sau:

- Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 9: 62.000.000 đồng

Số người hưởng PC: 30 người

Số ngày : 230 ngày

- Phụ cấp công tác phân luồng tháng 9: 38.800.000 đồng

Số người hưởng PC: 71 người

Số ngày: 388 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi**: 100.800.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19 năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Trịnh Văn Mạnh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Phụ lục 1.4

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch
Tháng 09/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6=5-4*	*7=3*6*	*8*	*9*
	Tổng cộng (I+II+III)						**230**	**62,000,000**		
I	**Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19**								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại bệnh viện	300,000	'01/09/2021	30/09/2021	13	3,900,000		5.6.7.11.14.17.19.22.23.24.25.27.28/9
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	12	3,600,000		3.6.9.13.14.18.2.21.22.26.28.29/9
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	10	3,000,000		1.5.7.15.16.17.20.24.25.30/9
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	10	3,000,000		4.6.8.15.16.18.21.24.28.30/9
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	10	3,000,000		1.4.9.11.16.17.21.24.27.30/9
6	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	9	2,700,000		2.3.8.10.13.15.19.27.29/9
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	11	3,300,000		2.10.12.13.14.17.20.22.23.28.29/9
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	4	1,200,000		4.11.26.29/9
9	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	8	2,400,000		2.12.18.21.24.26.27.28/9
10	Vũ Thị Hồng Yến	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	3	900,000		5.25.29/9
11	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	3	900,000		3.12.19/9
12	Đinh Việt Hải	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	2	600,000		1.2/9
13	Đoàn Hoa Anh	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		24-30/9
14	Phạm Văn Ngà	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		03-09/9
15	Đinh Thị Hải Hà	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		10-16/9
16	Trần Thị Lý	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		17-23/9
17	Phạm Phương Thảo	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	2	600,000		1.2/9
18	Phạm Thị Ánh Tuyết	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		03-09/9

19	Đặng Thị Nguyệt	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		10-16/9
20	Nguyễn Thị Hương	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		14-20/9
21	Nguyễn Thị Nam	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		18-24/9
22	Lê Thị Minh Hằng	BNĐ		300,000	'01/09/2021	30/09/2021	7	2,100,000		24-30/9
	Cộng I						**160**	**48,000,000**		
II	**Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2**								-	
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200,000	01/9/2021	30/9/2021	16	3,200,000		1.8.9.12.13.14.15.16.17.20.21.22.24.25.26.27/9
2	Nguyễn Thị Tuyết Hương	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200,000	01/9/2021	30/9/2021	5	900,000		1/2 (1.8.12.14.16.20.22.25.27/9)
3	Phạm Thị Lan Hương	K KSNK		200,000	01/9/2021	30/9/2021	4	700,000		1/2 (9.13.15.17.21.24.26/9)
4	Đỗ Ngọc Thanh Tâm	K KSNK		200,000	01/9/2021	30/9/2021	5	900,000		1/2 (1.8.12.14.16.20.22.24.26/9)
5	Trần Minh Đức	K KSNK		200,000	01/9/2021	30/9/2021	4	700,000		1/2 (9.13.15.17.21.25.27/9)
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200,000	01/9/2021	30/9/2021	4	800,000		1/2 (1.9.13.14.17.21.24.26/9)
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200,000	01/9/2021	30/9/2021	4	800,000		1/2 (8.12.14.16.20.22.25.27/9)
8	Phạm Thị Bông	BNĐ		200,000	01/9/2021	30/9/2021	30	6,000,000	✓	01-30/9
							70	**14,000,000**		

DUYỆT LÃNH ĐẠO	PHÒNG TCKT	PHÒNG TCCB	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP	NGƯỜI LẬP BIỂU
GIÁM ĐỐC Trịnh Văn Mạnh	Nguyễn Thị Vui	Bs. Hoàng Quỳnh Hoa	BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Ánh	Ngô Thúy Quỳnh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Phụ lục 1.4

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
Tháng 09/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	*2*			*3*	*4*	*5*		*7=3*6*	*8*	*9*
1	Trịnh Đình Tuân	P CNTT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000	+	1.14.23/9 1
2	Phạm Thị Phương Thảo	P CĐT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000	✓	6.15.24/9 2
3	Nguyễn Thị Hằng	P TCKT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000	✓	7.16.27/9 3
4	Hoàng Quang Vinh	P VT - TBYT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000		8.17.28/9 4
5	Đinh Thị Thu Huệ	P TCCB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000		9.20.29/9 5
6	Đinh Thị Thu	P QLCL	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000		10.21.30/9 6
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000		14.21.23/9 7
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	11	1,100,000	✓	1.3.6.7.13.14.20.21.25.27.28/9
3	Phạm Tuấn Anh Mạnh	C. Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000	✓ ✓	1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/9
4	Tống Đăng Linh	C. Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		23.25.26.28.29/9
5	Đào Thị Thắm	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000	✓	1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.23/9
6	Phùng Thị Thanh Thủy	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	4	✓400,000		25.26.28.29/9
7	Trịnh Thị Thúy Linh	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	12	1,200,000	✓	1.2.4.5.7.15.17.18.20.21.23.24/9

8	Hoàng Thị Phương Thảo	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		23.25.26.28.29/9
9	Nguyễn Đào Quỳnh Anh	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/9
10	Quách T Thanh Phương	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/9
11	Đào Thu Hiền	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		23.25.26.28.29/9
12	Phạm Thị Nhinh	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	4	400,000		1.3.4.30/9
13	Chu Tuấn Thành	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		6.7.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24.25.27.28/9
14	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/9
15	Nguyễn Thị Lan anh	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		24.25.27.28.30/9
16	Vũ Thị Huệ	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		21.22.24.25.27/9
17	Phạm Kim Thoa	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.3.4.67.7.9.10.12.13.15.16.18.19.28.30/9
18	Nguyễn Thị Thu Huyền	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.3.4.67.7.9.10.12.13.15.16.19.21.22.24/9
19	Trần Thị Phượng	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	4	400,000		25.27.28.30/9
20	Nguyễn Thanh Thủy	Sinh Hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	100,000		18/9
21	Lê Tiến Tùng	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/9
22	Đoàn Văn Vịnh	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		11.12.14.15.17.18.20.21.23.24.26.27.29.30/9
23	Phạm Thị Bình	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	14	1,400,000		2.3.5.6.8.9.14.15.17.18.20.21.23.24/9
24	Trần Việt Dung	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	14	1,400,000		11.12.26.27.29.30/9
25	Đoàn thị Trang Nhung	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	6	600,000		2.3.5.6.8.11.12.22.23/9
26	Nguyễn Thị Tính	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	9	900,000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.17.18.20.21.23/9
27	Dương Thị Hoài	Sinh Hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000		9.24.26.27.29.30/9
28	Lê Thị Hạnh Huyên	Sinh Hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	6	600,000		2.3.5.6.8.9.26.27.29.30
29	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	10	1,000,000		2.3.5.6.8.9.26.27.29.30/9

30	Trịnh Phương Linh	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	11	1,100,000		8.10.13.14.16.17.20.22.23.28.29/9	
31	Nguyễn Bình Duy	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	15	1,500,000	✓	2.3.5.6.8.9.11.12.15.17.18.20.21.23.24.26.27.29.30/9	
32	Lý Thị Cúc	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	5	500,000		14.26.27.29.30/9	
33	Đoàn T Lan Nhung	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		11.19/9	2
34	Phùng Thị Thanh Thủy	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	✓100,000	✓ 6	9/9	
35	Nguyễn Thị Dự	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		5.21/9	2
36	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		13.29/9	3
37	Trần Thị thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	✓100,000	1	16/9	
38	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		6.22/9	4
39	Huỳnh Lệ Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		4.20/9	5
40	Nguyễn Thi Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		4.20/9	6
41	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		8.24/9	7
42	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	✓100,000	2	16/9	
43	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		13.19/9	8
44	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		11.27/9	9
45	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	✓100,000	3	15/9	
46	Trần Việt Hoa	Chấn thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		3.5/9	10
47	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		7.30/9	11
48	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		11.26/9	12
49	Hoàng Hữu Tuân	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		10.26/9	13
50	Nguyễn Thị Hằng	KKB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		1.16/9	14
51	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		12.28/9	15

52	Nguyễn Bích Nga	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		2.18/9	16
53	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		7.23/9	17
54	Nguyễn Thanh tuân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	100,000	4	9/9	
55	Đinh Đức Thuấn	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		2.18/9	18
56	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		13.28/9	19
57	Đỗ Thị Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		6.22/9	20
58	Nguyễn Thị An	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		10.25/9	21
59	Đặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		3.19/9	22
60	Lê Thị Chiều	KBTYC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	1	100,000	5	15/9	
61	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	3	300,000		1.17.30/9	
62	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		9.25/9	23
63	Đặng Lan Anh	BNĐ	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		12.27/9	24
64	Đỗ Thị Nhung	Vi Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		14.30/9	25
65	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/9/2021	30/9/2021	2	200,000		8.24/9	26
	Cộng II						**388**	**38,800,000**			

DUYỆT LÃNH ĐẠO	PHÒNG TCKT	PHÒNG TCCB	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP	NGƯỜI LẬP BIỂU
GIÁM ĐỐC	Nguyễn Thị Vân	Bs. Hoàng Quỳnh Hoa	BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Ánh	Ngô Thúy Quỳnh
Trịnh Văn Mạnh				

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2629/QĐ-BVT	*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24 giờ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tháng 9 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid - 19

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 chủa Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viên đa khoa tỉnh.

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh.

* Cụ thể như sau:

- Phụ cấp công tác thường trực PC dịch tháng 9: 30.940.000 đồng

Số người hưởng PC: 45 người

Số ngày : 238 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi**: 30.940.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19 năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Trịnh Văn Mạnh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2628 /QĐ-BVT	*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách lý tại khoa Bệnh nhiệt đới - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tháng 9 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đợn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khácCăn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 9 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

* Mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn cho cán bộ y tế :

80.000 đồng ~~x 12 người x~~ 97 ngày = 7.760.000 đồng

- Tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly :

80.000 đồng ~~x 3 người~~ x 24 ngày = ~~7.760.000~~ đồng 1.920.000

Điều 2. Tổng số tiền chi: **9.680.000 đồng.**

(Bằng chữ: Chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19.

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Trịnh Văn Mạnh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Phụ lục 1.5.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 9/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6-5*	*8=(3+4)*7*	*9*	*10*
	Tổng cộng (I+II)							**335**	**38,700,000**		
I	**Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h**									Gửi kèm tài liệu	
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								0		
1	Nguyễn Trung Kiên		NTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	5	650,000		Trực ngày 1.4.9.13.18.24.26/9
2	Nguyễn Thị Út		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4.5	585,000		Trực ngày 6.8.11.16.21.22.28.30/9
3	Phan Văn Thiên		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 6.21/9
4	Vũ Thị Ngà		TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 5/9
5	Hoàng Văn Huấn		Nhi	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3	390,000		Trực ngày 3.7.14.17.28/9
6	Lê Thị Thơ		TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 23.27/9
7	Trần Nhật Toán		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 19/9
8	Nguyễn Thanh Tùng		Lão học	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 2/9
9	Trần Mạnh Vũ		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	7.5	975,000		Trực ngày 1.7.9.10.13.14.15.17.20.22.23.24.27.29.30/9
10	Vũ Thị Yến		Nhi	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	520,000		Trực ngày 2.14.20.26/9
11	Lê Thị Liên		KKB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	13.5	1,755,000		Trực ngày 1-30/9
12	Ngô Thị Nhung		KKB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3.5	455,000		Trực ngày 3.11.17.25/9
13	Lê Văn Tuyến		PK CS2	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	520,000		Trực ngày 6.12.16.22.28/9
14	Nguyễn Thị Thuý		TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 28/9
15	Trần Thị Lan	khám sàng	TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3	390,000		Trực ngày 12.16.22/9

16	Hoàng Hà My	Khám sàng lọc điều tra dịch tễ	KKB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3.5	455,000		Trực ngày 4.8.10.18.24/9
17	Nguyễn Thị Thu Hương		KKB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3	390,000		Trực ngày 4.10.18.24/9
18	Vũ Thị Ngọc Oanh		C. thương	130,000		01/9/2021	30/9/2021	5	650,000		Trực ngày 5.9.15.21.27/9
19	Kiều Vân Anh		Lão Học	130,000		01/9/2021	30/9/2021	6	780,000		Trực ngày 1.7.13.19.23.29/9
20	Trương Thị Chiều Xuân		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3	390,000		Trực ngày 1.7.13.19/9
21	Đào Thuý Vân		PK CS2	130,000		01/9/2021	30/9/2021	5	650,000		Trực ngày 2.14.20.26.30/9
22	Vũ Thị Thơ		PK CS2	130,000		01/9/2021	30/9/2021	0.5	65,000		Trực ngày 6/9
23	Hỷ Thị Lan		TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	2.5	325,000		Trực ngày 8.12.16.20/9
24	Chu Tuấn Thành		HHNN	130,000		01/9/2021	30/9/2021	0.5	65,000		Trực ngày 8/9
25	Hoàng Thị Thu Trang		PK CS2	130,000		01/9/2021	30/9/2021	0.5	65,000		Trực ngày 8/9
26	Hoàng Thị Chi		Lão học	130,000		01/9/2021	30/9/2021	2.5	325,000		Trực ngày 10.15.25.29/9
27	Đặng Tiến Dũng		UB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	0.5	65,000		Trực ngày 28/9
28	Nguyễn Bình Duy		TMH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	0.5	65,000		Trực ngày 9/9
29	Trần Hương Giang		RHM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	2	260,000		Trực ngày 23.29/9
30	Trần Thị Hoa		TM	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 6/9
31	Lâm Mạnh Kiên		UB	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực ngày 30/9
32	Phạm Thị Hải Ninh		YHCT	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	520,000		Trực ngày 5.15.21.27/9
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH								0		
33	Vũ Việt Anh	KTV CĐHA	CĐHA	130,000		01/9/2021	30/9/2021	1	130,000		Trực 4/9
34	Đỗ Quốc Trưởng	KTV CĐHA	CĐHA	130,000		01/9/2021	30/9/2021	3	390,000		Trực 8.10.12/9
35	Đoàn Văn Vịnh	KTV CĐHA	CĐHA	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	~~520,000~~		Trực 13.15.16.17/9
36	Vũ Quang Dũng	KTV CĐHA	CĐHA	130,000		01/9/2021	30/9/2021	6	780,000		Trực 20.21.22.24.25.26/9
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
37	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130,000		01/9/2021	30/9/2021	7	910,000		Trực ngày 1.5.10.15.20.25.29/9
38	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130,000		01/9/2021	30/9/2021	6	780,000		Trực ngày 2.8.13.18.24.28/9
39	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	520,000		Trực ngày 6.11.16.21/9
40	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130,000		01/9/2021	30/9/2021	6	780,000		Trực ngày 4.9.14.19.23.27/9
41	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	7	910,000		Trực ngày 3.7.12.17.22.26.30/9
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN										
42	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập	KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	7	910,000		Trực ngày 1.6.10.14.17.22.27/9
43	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	9	1,170,000		Trực ngày 3.5.9.11.15.21.23.27.29/9
44	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	9	1,170,000		Trực ngày 2.6.8.12.18.20.24.26.30/9
45	Phạm Thị Phương Thùy		KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	9	1,170,000		Trực ngày 5.7.11.13.17.19.23.25..29/9

46	Đặng Thị Ánh Tuyết	nhật tình hình COVID	KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	9	1,170,000		Trực ngày 1.3.7.9.13.15.19.21.25/9
47	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	9	1,170,000		Trực ngày 4.10.12.16.18.22.24.28.30/9
48	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130,000		01/9/2021	30/9/2021	8	1,040,000		Trực ngày 2.4.8.14.16.20.26.28/9
49	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130,000		01/9/2021	30/9/2021	15	1,950,000	✓	Trực ngày 3.4.5.9.10.11.15.16.17.21.22.23.27.28.29/9
50	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130,000		01/9/2021	30/9/2021	15	1,950,000	✓	Trực ngày 1.2.6.7.8.12.13.14.18.19.20.24.25.26.30/9
51	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130,000		01/9/2021	30/9/2021	4	520,000		Trực ngày 17.22.24.27/9
52	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130,000		01/9/2021	30/9/2021	5	650,000		Trực ngày 16.20.21.25.26/9
	Cộng I							**238**	**30,940,000**		
II	**Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)**										
1	Đinh Việt Hải	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	2	160,000		1.2/9
2	Đoàn Hoa Anh		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000		24-30/9
3	Phạm Văn Ngà		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	03-09/9
4	Đinh Thị Hải Hà		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	10-16/9
5	Trần Thị Lý		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	17-23/9
6	Phạm Phương Thảo		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	2	160,000		1.2/9
7	Phạm Thị Ánh Tuyết		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	03-09/9
8	Đặng Thị Nguyệt		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	10-16/9
9	Nguyễn Thị Hương		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	14-20/9
10	Nguyễn Thị Nam		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	18-24/9
11	Lê Thị Minh Hằng		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	7	560,000	✓	24-30/9
12	Phạm Thị Bông		BNĐ		80,000	01/9/2021	30/9/2021	30	2,400,000		01-30/9
	Cộng II							**97**	**7,760,000**		

DUYỆT LÃNH ĐẠO	PHÒNG TCKT	PHÒNG TCCB	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP	NGƯỜI LẬP BIỂU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH GIÁM ĐỐC Trịnh Văn Mạnh		Bs. Hoàng Quỳnh Hoa	BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Ánh	Đặng Thị Ánh Tuyết

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
Đơn vị: BỆNH VIỆN ĐK TỈNH

Phụ lục 1.1

KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NQ 16/NQ-CP
Nội dung: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5-4*	*7=3*6*	*8*	*9*
	Tổng cộng				**24**	**1.920.000**		
1	Chu Minh Tuấn	80.000	**31/8**	**7/9**	8	640.000		
2	Nguyễn Văn Linh	80.000	**1/9**	**8/9**	8	640.000		
3	Vũ Đình Đức	80.000	**1/9**	**8/9**	8	640.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO	PHÒNG TCKT	PHÒNG TCCB	KHOA DINH DƯỠNG	NGƯỜI LẬP BIỂU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH	Nguyễn Thị Vinh	Bs. Hoàng Quỳnh Hoa	Ngô Thị Phương	Đỗ Thị Phu Giang
GIÁM ĐỐC				
Trịnh Văn Mạnh				

BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số:DT79 ngày 06 tháng 12 năm 2021)

9/12

Tài khoản dự toán: 9527.2. 1017339 Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản: 440280701009 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: trực,thường trực,phân luồng COVID tháng 09

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công thường xuyên lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng:			141.420.000					141.420.000			
1	Vu Thi Tho	44010000409677	BIDV Quảng Ninh	65.000					65.000			
2	Dang Tien Dung	44010000220276	BIDV Quảng Ninh	65.000					65.000			
3	Duong Van Trung	44010000082412	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
4	Nguyen Thanh Thuy	44010000083415	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
5	Tran Thi Thuy Nga	44010000084676	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
6	Luong Thi Thuy Hang	44010000088854	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
7	Nguyen Thanh Tuan	44010000088757	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
8	Le Thi Chieu	44010000088933	BIDV Quảng Ninh	100.000					100.000			
9	Vu Viet Anh	44010000120659	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
10	Phan Van Thien	44010000539538	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
11	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
12	Nguyen Thanh Tung	44010000529399	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
13	Le Thi Tho	44010000610479	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			

14	Nguyen Thi Thuy	44010000086070	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
15	Tran Thi Hoa	44010000457764	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
16	Vu Thi Nga	44010000689770	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
17	Lam Manh Kien	44010000635171	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
18	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
19	Dao Thanh Hung	44010000082722	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
20	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
21	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
22	Tran Thi Viet Hoa	44010000086733	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
23	Nguyen Thi An	44010000083309	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
24	Dinh Huu Trung	44010000082157	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
25	Dinh Duc Thuan	44010000086380	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
26	Doan Thi Lan Nhung	44010000086803	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
27	Dao Thi Hong Hanh	44010000086724	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
28	Le Xuan Quang	44010000181674	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
29	Do Thanh Huyen	44010000083275	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
30	Dang Van Thanh	44010000090275	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
31	Nguyen Thi Hang	44010000082698	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
32	Bui Ngoc Son	44010000086122	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
33	Huynh Le Tu	44010000086043	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
34	Le Thi Xuan	44010000090150	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
35	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
36	Phan Kim Huong	44010000204447	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
37	Hoang Thi Hai	44010000082342	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
38	Nguyen Thi Du	44010000085484	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
39	Tran Van Quan	44010000083877	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
40	Nguyen Thi Mai	44010000084232	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
41	Trinh Ngoc Duong	44010000083345	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
42	Tran Thi Tuyet	44010000082023	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
43	Tran Huong Giang	44010000226414	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			
44	Pham Thi Phuong Thao	44010000560431	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			

45	Trinh Dinh Tuan	44010000172322	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
46	Pham Thi Thuy	44010000082014	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
47	Dinh Thi Thu	44010000353127	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
48	Bui Thi Bich Lien	44010000084302	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
49	Dinh Thi Thu Hue	44010000417005	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
50	Nguyen Thi Hang	44010000085581	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
51	Hoang Quang Vinh	44010000715091	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
52	Hoang Thi Chi	44010000682016	BIDV Quảng Ninh	325.000					325.000			
53	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng Ninh	325.000					325.000			
54	Do Quoc Truong	44010000120677	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
55	Truong Thi Chieu Xuan	44010000701586	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
56	Nguyen Thi Thu Huong	44010000082564	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
57	Hoang Van Huan	44010000295973	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
58	Tran Thi Lan	44010000478145	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
59	Pham Thi Nhinh	44010000573998	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
60	Tran Thi Phuong	44010000084825	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
61	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng Ninh	455.000					455.000			
62	Ngo Thi Nhung	44010000088793	BIDV Quảng Ninh	455.000					455.000			
63	Tong Dang Linh	44010000421185	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
64	Vu Thi Hue	44010000620423	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
65	Phung Thi Thanh Thuy	44010000086849	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
66	Nguyen Thi Lan Anh	44010000082148	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
67	Dao Thi Hien	44010000705764	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
68	Hoang Thi Phuong Thao	44010000616088	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
69	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng Ninh	500.000					500.000			
70	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
71	Le Van Tuyen	44010000082582	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
72	Bui Trong Oanh	44010000577635	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
73	Vu Thi Yen	44010000208306	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
74	Pham Thi Hai Ninh	44010000301816	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
75	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng Ninh	560.000					560.000			

76	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng Ninh	585.000					585.000			
77	Le Hanh Huyen	44010000084940	BIDV Quảng Ninh	600.000					600.000			
78	Doan Thi Trang Nhung	44010000082227	BIDV Quảng Ninh	600.000					600.000			
79	Chu Minh Tuan	44010000656844	BIDV Quảng Ninh	640.000					640.000			
80	Nguyen Van Linh	44010000609459	BIDV Quảng Ninh	640.000					640.000			
81	Vu Dinh Duc	44010000612651	BIDV Quảng Ninh	640.000					640.000			
82	Dao Thuy Van	44010000084153	BIDV Quảng Ninh	650.000					650.000			
83	Vu Thi Ngoc Oanh	44010000701726	BIDV Quảng Ninh	650.000					650.000			
84	Hoang Van Dung	44010000193651	BIDV Quảng Ninh	650.000					650.000			
85	Nguyen Trung Kien	44010000592045	BIDV Quảng Ninh	650.000					650.000			
86	Pham Thi Lan Huong	44010000086104	BIDV Quảng Ninh	700.000					700.000			
87	Tran Minh Duc	44010000381021	BIDV Quảng Ninh	700.000					700.000			
88	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng Ninh	760.000					760.000			
89	Nguyen Thi Phuong Thao	44010000479643	BIDV Quảng Ninh	760.000					760.000			
90	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
91	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
92	Vu Quang Dung	44010000232606	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
93	Kieu Van Anh	44010000084968	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
94	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
95	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
96	Vu Nguyet Hoa	44010000382079	BIDV Quảng Ninh	900.000					900.000			
97	Do Ngoc Thanh Tam	44010000301737	BIDV Quảng Ninh	900.000					900.000			
98	Nguyen Thi Tuyet Huong	44010000086265	BIDV Quảng Ninh	900.000					900.000			
99	Nguyen Thi Tinh	44010000420845	BIDV Quảng Ninh	900.000					900.000			
100	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng Ninh	900.000					900.000			
101	Trinh Van Manh	44010000259553	BIDV Quảng Ninh	910.000					910.000			
102	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng Ninh	910.000					910.000			
103	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng Ninh	910.000					910.000			
104	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng Ninh	975.000					975.000			
105	Nguyen Thi Huyen Trang	44010000360747	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			
106	Doan Van Vinh	44010000616060	BIDV Quảng Ninh	1.020.000					1.020.000			

107	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng Ninh	1.040.000					1.040.000			
108	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng Ninh	1.100.000					1.100.000			
109	Trinh Phuong Linh	44010000616565	BIDV Quảng Ninh	1.100.000					1.100.000			
110	Vu Thi Hai Yen	44010000102718	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
111	Dang Thi Anh Tuyet	44010000646872	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
112	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
113	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
114	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
115	Trinh Thi Thuy Linh	44010000436240	BIDV Quảng Ninh	1.200.000					1.200.000			
116	Nguyen Thi Thuy	44010000336614	BIDV Quảng Ninh	1.200.000					1.200.000			
117	Pham Thi Binh	44010000249129	BIDV Quảng Ninh	1.400.000					1.400.000			
118	Tran Viet Dung	44010000082193	BIDV Quảng Ninh	1.400.000					1.400.000			
119	Le Tien Tung	44010000810561	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
120	Pham Tuan Anh Manh	44010000083585	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
121	Pham Thi Kim Thoa	44010000082485	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
122	Dao Thi Tham	44010000301870	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
123	Duong Thi Hoai	44010000478154	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
124	Nguyen Thi Anh Nguyet	44010000202238	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
125	Quach Thi Thu Phuong	44010000616158	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
126	Nguyen Dao Quynh Anh	44010000702756	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
127	Nguyen Thi Thu Huyen	44010000178287	BIDV Quảng Ninh	1.500.000					1.500.000			
128	Chu Tuan Thanh	44010000615678	BIDV Quảng Ninh	1.565.000					1.565.000			
129	Nguyen Binh Duy	44010000175163	BIDV Quảng Ninh	1.565.000					1.565.000			
130	Le Thi Lien	44010000179226	BIDV Quảng Ninh	1.755.000					1.755.000			
131	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng Ninh	1.950.000					1.950.000			
132	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng Ninh	1.950.000					1.950.000			
133	Duong Thi Oanh	44010000320112	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
134	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng Ninh	2.465.000					2.465.000			
135	Dang Thi Nguyet	44010000620308	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
136	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
137	Doan Thi Hoa Anh	44010000085013	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			

138	Le Thi Minh Hang	44010000082971	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
139	Nguyen Thi Huong	44010000199358	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
140	Nguyen Thi Nam	44010000413915	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
141	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
142	Tran Thi Ly	44010000810598	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
143	Vu Thuy Dung	44010000820454	BIDV Quảng Ninh	2.700.000					2.700.000			
144	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng Ninh	3.000.000					3.000.000			
145	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng Ninh	3.000.000					3.000.000			
146	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng Ninh	3.000.000					3.000.000			
147	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng Ninh	3.200.000					3.200.000			
148	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng Ninh	3.300.000					3.300.000			
149	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng Ninh	3.800.000					3.800.000			
150	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng Ninh	3.900.000					3.900.000			
151	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng Ninh	8.400.000					8.400.000			

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

BIDV CHI NHÁNH QUẢNG NINH
PHÒNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG
Đã nhận ngày...../...../.....

GDV | KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH QUẢNG NINH
M.S.C.N: 0100150919-005-C.T.C.P
TP.HẠ LONG - T.QUẢNG NINH

LẬP BIỂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ VINH

DUYỆT LÃNH ĐẠO

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

TRỊNH VĂN MẠNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2021

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện